

Số: /BC-UBND
(DỰ THẢO)

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác dân tộc năm 2020 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2021

Thực hiện chế độ báo cáo công tác dân tộc quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-UBND ngày 31/5/2019 và Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 về việc công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện công tác dân tộc năm 2020 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2021 như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

- Trong năm 2020 công tác dân tộc chủ yếu của các địa phương vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi là tập trung chỉ đạo thực hiện các chính sách dân tộc như chính sách cấp một số mặt hàng thiết yếu, hỗ trợ gạo đỏ lửa; phối hợp, tổ chức thăm hỏi, các gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình gặp khó khăn do thiên tai.

- Tình hình sản xuất và đời sống của đồng bào vùng dân tộc nhìn chung ổn định, hiện nay bà con trong vùng đang sản xuất vụ đông xuân và các hoạt động chăn nuôi gia súc gia cầm tiếp tục được đầu tư phát triển. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, sản xuất và đời sống của đồng bào gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, tình hình nắng nóng kéo dài, nhiều nơi thiếu nước sinh hoạt và sản xuất, bão lũ, sạt lở đất làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân.

- Trong năm 2020 đã xảy ra nhiều vụ cháy nhà là hộ người đồng bào dân tộc thiểu số, nổ bom mìn, ngộ độc thực phẩm do ăn nấm rừng, xảy ra lốc xoáy trong những tháng nắng nóng đầu năm 2020. Đặc biệt, do ảnh hưởng của cơn bão số 6 và cơn bão số 9, cùng dân tộc và miền núi của tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề về người và tài sản, cụ thể: Do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới và cơn bão số 6 diễn ra từ ngày 08-11/10/2020, trên địa bàn các huyện miền núi đã xảy ra mưa lớn kéo dài làm 01 người chết (huyện Ba Tơ), nhiều nhà bị sập (Sơn Tây 02 nhà, Ba Tơ 01 nhà), vật nuôi bị cuốn trôi, nhiều diện tích đất canh tác bị sa bồi thủy phá, diện tích rừng trồng bị thiệt hại...; do ảnh hưởng của cơn bão số 9, trên địa bàn các huyện miền núi đã xảy ra gió bão và mưa lớn kéo dài 18 người bị thương, làm 491 nhà ở bị sập và hư hỏng (sập hoàn toàn và hư hỏng trên 70% là 242 nhà; hư hỏng từ 50% -70% là 249 nhà), vật nuôi bị cuốn trôi, nhiều diện tích đất canh tác bị sa bồi thủy phá, diện tích rừng trồng bị thiệt hại nặng nề...

- Về y tế: Các địa phương đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo Chủ tịch UBND tỉnh về phòng chống dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (Covid-19) như phun thuốc tiêu độc, khử trùng, cho học sinh nghỉ học theo đúng chỉ đạo. Do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp chủng vi rút Corona gây ra nên số lượt người đồng bào dân tộc thiểu số đến khám bệnh, chữa bệnh giảm so với cùng kỳ. Các huyện miền núi đã phối hợp với các ban ngành của địa phương tăng cường công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn. Ban Dân tộc tỉnh cũng đã phối hợp với UBND các huyện và các đơn vị có liên quan báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid 19 theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Về tỷ lệ hộ nghèo, theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2016-2020, đầu năm 2020 tổng số hộ nghèo khu vực miền núi của tỉnh là 16.763 hộ, chiếm tỷ lệ 26,41% và tổng số hộ cận nghèo của khu vực là 7.751 hộ, chiếm tỷ lệ 12,21% so với tổng số hộ trong khu vực. Tổng số hộ nghèo Dân tộc thiểu số là 15.773 hộ, chiếm tỷ lệ 56,4% trong tổng số hộ nghèo toàn tỉnh, 4,34% trong tổng số hộ toàn tỉnh. Ước đến cuối năm 2020 giảm xuống còn 25,59% (giảm 5,55%, vượt 1,55% so với mục tiêu đề ra là 3-4%/năm.

- Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên vùng dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản được ổn định. Trong năm xảy ra 01 vụ án mạng trên địa huyện Ba Tơ do nghi kỵ cầm đồ thuốc độc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2020

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác dân tộc

Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh luôn được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh và các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã đưa vào Chương trình công tác năm 2020 về nội việc thực hiện công tác dân tộc như: Xây dựng Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; tổ chức thực hiện Chương trình, chính sách dân tộc và miền núi trên địa bàn tỉnh; tổ chức tổng kết Chiến lược công tác dân tộc... Trong năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành về thực hiện công tác dân tộc. Trong đó nhiều văn bản chỉ đạo về việc triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh

- Căn cứ Chương trình công tác năm 2020 của UBND tỉnh và các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, Ban Dân tộc tỉnh đã xây dựng và ban hành chương trình công tác năm 2020, kế hoạch công tác hàng quý sát với tình hình thực tế

làm cơ sở tổ chức thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với đồng bào DTTS cũng như thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

- Đã xây dựng và trình UBND tỉnh Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị và triển khai thực hiện Kế hoạch số 249-KH/TU ngày 21/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc trong tình hình mới.

- Đã xây dựng kế hoạch, giao dự toán và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch thực hiện Chương trình, chính sách, đề án đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như: Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS; Chương trình giáo dục đời sống gia đình cho đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh; Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 1163/QĐ-TTg; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số... đến nay, đã thực hiện cơ bản hoàn thành các kế hoạch này.

- Đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện rà soát báo số liệu nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách dân tộc như: Chương trình 135, Chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020; chính sách hỗ trợ biểu dương, khen thưởng hộ gia đình thoát nghèo, thoát cận nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh... để tổng hợp gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân khai cho các địa phương thực hiện; lãnh đạo việc phối hợp với các sở ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ biểu dương, khen thưởng hộ gia đình thoát nghèo, thoát cận nghèo.

- Thực hiện rà soát, báo cáo trình UBND tỉnh để báo cáo Ủy ban Dân tộc kết quả rà soát số liệu lập báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; lãnh đạo tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt Chương trình đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thực hiện đề xuất các biện pháp khắc phục sạt lở của dự án Định canh định cư tập trung Đồng Tranh, thôn Mai Lãnh Hạ, xã Long Mai, huyện Minh Long do Ban Dân tộc tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thực hiện hoàn thành việc đánh giá rà soát, xác định thôn ĐBK, xã ĐBK hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 theo Quyết định số 03/2019/QĐ-

TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ; tham mưu UBND tỉnh báo cáo UBND kết quả rà soát các xã thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025.

- Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức thành công Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định số 12/2028/QĐ-TTg; sơ kết 05 năm thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số” giai đoạn 2015-2020 và triển khai nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025; tổng kết Kế hoạch thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; thực hiện công bố kết quả điều tra kinh tế - xã hội 53 DTTS trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Tham mưu UBND tỉnh Quyết định thành lập Đoàn đại biểu của tỉnh dự Đại hội đại biểu toàn quốc các DTTS Việt Nam lần thứ II, năm 2020; xây dựng kế hoạch và tổ chức đưa Đoàn đại biểu của tỉnh dự Đại hội đại biểu toàn quốc các DTTS Việt Nam lần thứ II, năm 2020 đảm bảo an toàn, chu đáo.

- Thực hiện kiểm tra việc thực hiện các chính sách dân tộc như: kiểm tra kết quả thực hiện Chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình 135 năm 2019 và 2020; kiểm tra kết quả thực hiện các chính sách dân tộc và công tác dân vận ở vùng đồng bào DTTS và miền núi...; tham mưu giải quyết các kiến nghị của Đoàn giám sát của Ban Dân tộc HĐND và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị theo quy định; trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2020 theo đúng quy định. Đã thực hiện xong 02/02 cuộc thanh tra việc tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc năm 2018-2019 tại huyện Ba Tơ và huyện Trà Bồng. Việc ban hành và thực hiện kế hoạch tiếp dân định kỳ và xử lý đơn thư, khiếu nại; lãnh đạo công tác phòng chống tham nhũng đúng theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác báo cáo định kỳ kết quả thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc theo quy định; báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất về công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

- Chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn công tác của Văn phòng Điều phối Chương trình 135 thuộc Ủy ban Dân tộc về kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Học viện Dân tộc tổ chức lớp giảng viên, báo cáo viên về giảng dạy kiến thức dân tộc thuộc Đề án Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 –2025 theo Quyết định số 771/QĐ-TTg. Thực hiện ký kết và triển khai thực hiện các Chương trình, kế hoạch phối hợp thực hiện công tác giữa Ban Dân tộc tỉnh với: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, với Ban Dân vận Tỉnh ủy và với các sở ngành theo quy định.

- Thực hiện nắm bắt tình hình vùng đồng bào DTTS và miền núi, kịp thời báo cáo UBND tộc tổ chức tặng quà, thăm hỏi, động viên các gia đình là người đồng bào DTTS nghèo ở vùng miền núi của tỉnh gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn.

- Đã triển khai, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19 theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

- Về công tác hành chính, quản trị: Công khai quyết toán NSNN năm 2018, dự toán ngân sách năm 2020 theo đúng quy định; thực hiện giao dự toán ngay từ đầu năm để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ kịp thời; công tác cải cách hành chính; công tác thi đua, khen thưởng; xây dựng Quy chế văn thư lưu trữ... mua sắm tủ trưng bày các sản phẩm văn hóa vật thể của đồng bào các DTTS tỉnh Quảng Ngãi tại trụ sở cơ quan Ban Dân tộc tỉnh.

3. Kết quả thực hiện một chính sách dân tộc

3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo

3.1.1. Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK, xã an toàn khu; các thôn ĐBKK:

Tổng kinh phí giao là: 62.878 triệu đồng. Trong đó, vốn đầu tư phát triển là 58.553 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 4.325 triệu đồng.

Về kết quả thực hiện:

+ Đối với nguồn vốn đầu tư: Thực hiện đầu tư cho 122 công trình cơ sở hạ tầng. Trong đó, có 35 công trình trả nợ, chuyển tiếp, gồm: 23 công trình giao thông, 03 công trình thủy lợi, 04 công trình sinh hoạt cộng đồng, 03 công trình nước sinh hoạt, 02 công trình giáo dục; có 87 công trình đầu tư mới gồm: 61 công trình giao thông, 16 công trình thủy lợi, 05 công trình sinh hoạt cộng đồng, 04 công trình nước sinh hoạt 01 công trình dân dụng khác. Hiện nay các công trình trả nợ, chuyển tiếp đã hoàn thành, các công trình đầu tư mới đang triển khai thực hiện. Kết quả giải ngân vốn đầu tư 44.128,923 triệu đồng, tỷ lệ 75,37%.

+ Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng đã phân khai cho các địa phương, duy tu bảo dưỡng 24 công trình, gồm: 11 công trình giao thông, 02 công trình thủy lợi, 07 công trình nước sinh hoạt, 03 công trình sinh hoạt cộng đồng, 01 công trình khác, hiện nay các địa phương đang triển khai thực hiện, giải ngân 2.125 triệu đồng, tỷ lệ 49%.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, các thôn đặc biệt khó khăn:

Tổng kinh phí giao 16.479 triệu đồng (ngân sách Trung ương) để thực hiện các nội dung như sau:

- Phân bổ cho UBND các huyện miền núi 13.183 triệu để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và 3.296 triệu đồng để xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Các địa phương đã xây dựng 54 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và 11 mô hình, đến nay đã thực hiện hỗ trợ cho 1.223 hộ thụ hưởng với các nội dung hỗ trợ gồm: hỗ trợ gần 1,4 triệu cây giống các loại, hỗ trợ 29.660 con giống các loại giống vật nuôi như trâu, bò, heo, gà, vịt..., hỗ trợ trên 8.500kg các loại vật tư sản xuất. Về kết quả giải ngân, chỉ có huyện Ba Tơ và Sơn Tây giải ngân được 1.793 triệu đồng, đạt tỷ lệ 13,6% tổng kế hoạch vốn giao.

- Phân bổ cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 500 triệu đồng để thực hiện mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng thuộc Chương trình không còn nạn đói ở Việt Nam theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức đấu thầu để thực hiện; chưa giải ngân.

c) Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu; thôn đặc biệt khó khăn:

Tổng kinh phí giao của Tiểu dự án này trong năm 2020 là 3.028 triệu đồng, Ban Dân tộc tỉnh đã lấy ý kiến đề xuất nội dung thực hiện của UBND các huyện và đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện và đã trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tại Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 18/6/2020.

Ban Dân tộc tỉnh đã tổ chức thực hiện hoàn thành các khóa tập huấn, cụ thể: Tổ chức 24 lớp tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng về phát triển kinh tế hộ gia đình cho 1.092 lượt người dân; tổ chức 19 lớp tập huấn kiến thức về xây dựng và vận hành tổ nhóm, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất cho 816 lượt người dân; tổ chức 03 lớp bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ đấu thầu qua mạng cho 116 lượt cán bộ công chức cấp xã; tổ chức 02 lớp bồi dưỡng kiến thức về Quản lý tài chính Chương trình 135 cho 55 lượt cán bộ công chức cấp xã. Tổng kinh phí đã giải ngân là 1.402 triệu đồng, đạt 46,3% kế hoạch vốn.

d) Về rà soát xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện Kế hoạch Công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Ban Dân tộc tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan và UBND các huyện rà soát, thẩm định, báo cáo UBND tỉnh xem xét, báo cáo UBNDT theo quy định; kết quả rà soát có 10 thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135; có 06 thôn chưa hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 nhưng đã được chia tách, sáp nhập và đổi tên thành các thôn mới; có 07 xã chưa hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 nhưng đã được sáp nhập, đổi tên thành 04 xã mới được đề nghị đưa ra khỏi danh sách thực hiện Chương trình 135. Tuy nhiên, đến nay chưa có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

3.1.2. Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg

- Đối với nguồn vốn sự nghiệp: Tổng kinh phí được UBND tỉnh giao là 2.235 triệu đồng, các huyện miền núi thực hiện nội dung hỗ trợ cho hộ dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thiếu nước sinh hoạt để tạo nguồn nước phục vụ sinh hoạt. Hiện nay, các huyện đã hoàn thành việc hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng với các nội dung hỗ trợ như: cấp dụng cụ chứa nước, ống dẫn nước, hoặc hỗ trợ để hộ đào giếng....

- Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn năm 2020 là 11.029 triệu đồng, UBND tỉnh đã giao cho huyện Sơn Tây thực hiện dự án định canh, định cư tập trung Tà Dô, xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây. Đến nay, đã giải ngân được 61% kế hoạch vốn giao.

3.1.3. Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS

Tổng kinh phí phân bổ để thực hiện chính sách này trong năm 2020 là 4.569 triệu đồng (trong đó: giao cho Ban Dân tộc tỉnh là 1.769 triệu đồng, giao cho UBND các huyện là 2.800 triệu đồng). Ban Dân tộc tỉnh đã phối hợp với Bưu điện tỉnh cấp báo Quảng Ngãi và báo Dân tộc và Phát triển cho tất cả người có uy tín, cấp 45 đài radio cho NCUT thay thế năm 2020, tổ chức thăm hỏi, động viên người có uy tín và gia đình người có uy tín qua đời, ốm đau... Chủ trì, phối hợp với Ban Dân vận tỉnh ủy, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và Công an tỉnh đón tiếp, làm việc với các Đoàn đại biểu người có uy tín của 05 huyện miền núi và một số tỉnh bạn đến thăm. Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành tổ chức thành công Hội nghị sơ kết 03 năm thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg. Kết quả đã giải ngân 1.504,258 triệu đồng, đạt 85,03%, ước thực hiện đến 31/12/2020 đạt trên 90%.

3.1.4. Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020

Năm 2020, UBND tỉnh giao kinh phí để thực hiện Đề án này trên toàn tỉnh là 1.550 triệu đồng, trong đó, Ban Dân tộc được phân bổ 270 triệu đồng, các huyện miền núi là 1.280 triệu đồng (Sơn Hà 400 triệu, Ba Tơ 300 triệu đồng, Sơn Tây 205 triệu đồng, Trà Bồng 255 triệu đồng, Minh Long 120 triệu đồng).

Ban Dân tộc tỉnh đã ban hành kế hoạch triển khai thực hiện năm 2020, đã ký hợp đồng với Đài Phát thanh truyền hình tỉnh để đưa tin, phóng sự trên PTQ bằng tiếng Kinh, Hrê, Co về nội dung: Những tấm gương tiêu biểu trong thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại huyện Sơn Hà; kết quả thực hiện công tác tuyên truyền Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020. Ban Dân tộc tỉnh đã phối hợp với UBND huyện Ba Tơ, UBND huyện Sơn Hà triển khai Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội thi Tuyên truyền giảm thiểu tình trạng tảo hôn tại địa bàn huyện. Hiện nay đã tổ chức hoàn thành Hội thi tuyên truyền tại huyện Ba Tơ và huyện Sơn Hà. Kết quả

giải ngân 368,03 triệu đồng, đạt 99,64% kế hoạch. Đối với các địa phương, hiện nay đang tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động tuyên truyền tại cơ sở.

3.1.5. Đề án đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2021.

Kinh phí để thực hiện nội dung này là 270 triệu đồng. Ban Dân tộc tỉnh đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện năm 2020. Ban Dân tộc đã phối hợp với UBND huyện Sơn Tây, Minh Long triển khai Kế hoạch phối hợp tổ chức Hội thi Tuyên truyền đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn các huyện nêu trên. Do tình hình Covid-19 đang diễn ra phức tạp nên Hội thi chưa được diễn ra theo Kế hoạch đề ra. Ngoài ra, Ban Ký hợp đồng với đơn vị thi công và đã lắp đặt hoàn thành 12 tấm pano tuyên truyền tại huyện Ba Tơ và đã thanh lý hợp đồng. Ban Dân tộc phối hợp với UBND huyện Minh Long đã tổ chức hoàn thành Hội thi. Kinh phí đã giải ngân 228,954 triệu đồng, đạt 84,8 % kế hoạch giao.

3.1.6. Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2021.

Năm 2020, kinh phí thực hiện Đề án này là 180 triệu đồng. Hiện nay Ban Dân tộc tỉnh đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện năm 2020. Ban Dân tộc đã ký hợp đồng với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh để đưa tin, phóng sự trên PTQ bằng tiếng Kinh, Hrê, Co về nội dung: Công tác Bình đẳng giới ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi; kết quả hoạt động của người có uy tín trong công tác thực hiện chính sách dân tộc trên vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay đã phát sóng 02 chuyên đề và đã thanh lý hợp đồng. Ban Dân tộc phối hợp với UBND huyện Sơn Hà, Ba Tơ mở 4 lớp tập huấn, kết quả giải ngân 161,412 triệu đồng, đạt 89,67% kế hoạch giao.

3.1.7. Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019-2021

Nội dung này do các cơ quan Trung ương trực tiếp thực hiện, Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện miền núi theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác phát hành ấn phẩm báo, tạp chí trên địa bàn tỉnh.

3.2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách do các bộ, ngành khác quản lý, chỉ đạo.

3.2.1. Chương trình 30a (Dự án 1) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

a) *Tiểu dự án 1:* Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo.

Kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 năm 2020 là: 314.344,8 triệu đồng . Trong đó, vốn đầu tư phát triển: 304.262,8 triệu đồng (*bao gồm 81.940 triệu đồng hỗ trợ huyện Sơn Hà thoát nghèo*) và vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: 10.082 triệu đồng.

- Vốn đầu tư phát triển thực hiện đầu tư xây dựng 118 công trình hạ tầng. Trong đó, 66 công trình trả nợ đã hoàn thành, chuyển tiếp (*có 33 công trình trả nợ*), gồm: 13 công trình giao thông, 12 công trình thủy lợi, 24 công trình trường học, 10 công trình sinh hoạt văn hóa, 01 công trình y tế, 04 công trình nước sinh hoạt, 02 công trình dân dụng khác; 52 công trình khởi công mới, bao gồm: 13 công trình giao thông, 12 công trình thủy lợi, 24 công trình trường lớp học, 10 công trình sinh hoạt văn hóa, 01 công trình y tế, 04 công trình nước sinh hoạt, 02 công trình dân dụng khác. Đến nay, các công trình chuyển tiếp, trả nợ đã hoàn thành; có 04 công trình đầu tư mới hoàn thành 62 công trình đang triển khai thực hiện có khối lượng hoàn thành trên 50%. Kết quả giải ngân đến ngày 30/10/2020 là: 199.048,927 triệu đồng, tỷ lệ 65,42% so với kế hoạch vốn được giao. Ước thực hiện đến cuối năm đạt 90% so với kế hoạch (*kính còn lại chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện*).

- Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện duy tu bảo dưỡng đang triển khai thực hiện và giải ngân 7.259 triệu đồng, tỷ lệ 72%. Ước thực hiện cuối năm 2020 đạt 100% với so với kế hoạch.

Tiêu dự án 1 giải ngân đến ngày 30/10/2020 là 206.307,927 triệu đồng, tỷ lệ 65,63%.

b) Tiêu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo.

Kinh phí thực hiện: 53.546 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 44.908 triệu đồng, ngân sách địa phương 8.638 triệu đồng, để thực hiện các nội dung sau:

- Hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo 25.942 triệu đồng. Trong đó, xây dựng và nhân rộng 07 mô hình giảm nghèo, gồm: Chăn nuôi bò cái địa phương sinh sản, Chăn nuôi Dê bản địa sinh sản, Nuôi heo ky sinh sản, Phát triển chăn nuôi heo bản địa (heo cỏ), Cải tiến chăn nuôi bò cái lai Zebu F2, Phát triển chăn nuôi gà ta (gà kiến), Nhân rộng mô hình Cam sành.

- Hỗ trợ chăm sóc, giao khoán, bảo vệ rừng với kinh phí 22.481 triệu đồng;

- Hỗ trợ mua vắc xin tiêm phòng gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện nghèo với kinh phí 5.123 triệu đồng;

Hiện nay các địa phương, đơn vị đang triển khai thực hiện và giải ngân 34.804,9 triệu đồng, tỷ lệ 65%. Ước thực hiện đến cuối năm 2020 đạt 100% so với kế hoạch giao.

d) Tiêu dự án 4: Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Kinh phí thực hiện 4.138 triệu đồng để tổ chức 08 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 350 cán bộ và tuyên truyền viên cơ sở làm công tác tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tư vấn, giới thiệu việc làm cho 34 người lao động đi làm việc ở nước ngoài các thông tin về lao động khi về nước; tư vấn trực tiếp cho 82 lao động ở các địa phương về tham gia đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ các thủ tục xuất cảnh cho 66 lao động.

Kết quả, đến ngày 30/10/2020 có 03 lao động xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, 63 lao động đang chờ xuất cảnh. Giải ngân 1.219,25 triệu đồng, tỷ lệ 25% so với kế hoạch.

3.1.2. Dự án 5: Nâng cao năng lực và tra giám sát thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Kinh phí trung ương phân bổ cho các huyện miền núi 311 triệu đồng để thực hiện hoạt động nâng cao năng lực. Hiện nay, đã địa phương đang triển khai thực hiện và giải ngân 266,12 triệu đồng, tỷ lệ 80,4%. Ước thực hiện đến cuối năm 2020 đạt 100% so với kế hoạch giao.

3.3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương

a) Chương trình giáo dục đời sống gia đình trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Kế hoạch số 1693/QĐ-UBND ngày 19/9/2016.

UBND tỉnh giao kinh phí tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 là 116 triệu đồng. Ban Dân tộc đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trong năm 2020; đã ký hợp đồng với Đài Phát thanh truyền hình tỉnh để đưa tin, phóng sự trên PTQ bằng tiếng Kinh, Hrê và Co về nội dung: Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư và gìn giữ, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc đồng bào dân tộc Hrê và Cadong, đã giải ngân 115,5 triệu đồng, đạt 99,57% kế hoạch.

b) Kế hoạch tuyên truyền đảm bảo trật tự an toàn giao thông vùng dân tộc thiểu số và miền núi năm 2020

Năm 2020, Ban được Ban Chỉ đạo an toàn giao thông tỉnh phân khai 50 triệu đồng để thực hiện công tác tuyên truyền đảm bảo trật tự an toàn giao thông ở vùng đồng bào DTTS của tỉnh. Đã ban hành Kế hoạch và đã tổ chức triển khai hoàn thành 5 lớp tập huấn tại huyện huyện Minh Long, Ba Tơ, Sơn Tây; kết quả giải ngân 43,125 triệu đồng, đạt 86,25%.

c) Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý – năm 2020

Trên cơ sở các báo cáo về nhu cầu cấp hàng Tết Nguyên đán của UBND các huyện, Ban Dân tộc tỉnh tổng hợp, xây dựng kế hoạch kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định. Sở Tài chính trình UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 24/12/2019, với tổng số 196.878 khẩu/52.001 hộ, tổng kinh phí là 9.360.180.000 đồng.

Tất cả đồng bào dân tộc thiểu số ở 6 huyện miền núi và các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và Mộ Đức được thụ hưởng với số lượng 196.878 khẩu/52.001 hộ, đúng số lượng được duyệt.

Định mức cấp thực tế:

- Nước mắm: 02 lít/hộ. - Dầu ăn: 01 lít/hộ.
- Bột ngọt: 100 gam/khẩu. - Muối iốt: 01 kg/khẩu.

Đúng quy định tại Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 24/12/2019.

Tổng kinh phí thực hiện: 9.358.589.000 đồng, kinh phí còn thừa là 1.591.000 đồng.

Tất cả các địa phương đã hoàn thành việc cấp phát các mặt hàng cho đồng bào dân tộc thiểu số, thời gian cấp phát từ ngày 09/01/2020 đến ngày 17/01/2020 (nhằm ngày 23 tháng chạp năm Canh Tý).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

III. Đánh giá chung

Trong năm 2020, với tinh thần quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chính của cơ quan, Ban Dân tộc tỉnh đã chủ động triển khai các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; đã kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc và đã đạt được một số kết quả nhất định như đã hoàn thành chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020; rà soát xã, thôn hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2020... Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc năm 2020 còn một số tồn tại hạn chế sau:

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên việc triển khai các chính sách tại địa phương, nhất là công tác tập huấn, tuyên truyền còn gặp nhiều khó khăn, không thể tổ chức theo đúng tiến độ đã đề ra.

- Hiện nay Quyết định đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 chưa được Thủ tướng Chính phủ ban hành; các Bộ ngành Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể nên việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội chưa được thực hiện theo tiến độ, chỉ đạo của UBND tỉnh. Việc chậm phối hợp cung cấp số liệu của các sở ngành và địa phương theo chỉ đạo của UBND tỉnh đã dẫn đến việc báo cáo cho UBND chậm trễ theo quy định.

- Việc rà soát, đề xuất danh mục đầu tư Chương trình 135 của một số địa phương còn chậm dẫn đến việc giao kế hoạch vốn cho các địa phương chia thành 03 đợt và đến tháng 8/2020 mới giao kế hoạch vốn đợt 3. Các địa phương chưa đẩy nhanh tiến độ thực hiện Tiểu dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đến nay chưa có địa phương nào thực hiện việc cấp hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng. Qua kiểm tra, một số địa phương sử dụng nguồn vốn duy tu bảo dưỡng công trình

CSHT sai quy định (vốn DTBD chỉ thực hiện DTBD và sửa chữa nhỏ nhưng xã lại đầu tư hạng mục mới như ở xã Ba Lế, Ba Thành huyện Ba Tơ).

- Các địa phương chậm trễ trong việc hoàn thành các thủ tục theo đề nghị của Sở Tài chính dẫn đến hiện nay tỉnh chưa phân bổ được nguồn vốn để thực hiện chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2020.

- Hiện nay các hộ dân đã vào ở tại các dự án định canh định cư tập trung nhưng chưa nhận được các khoản hỗ trợ theo quy định do nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các dự án này đã bị thu hồi về ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách năm 2015.

IV. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2021

Trong năm 2021, công tác dân tộc tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/06/2020 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX với mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu như sau:

I. Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu.

1. Mục tiêu:

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin), góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2021 – 2025.

2. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Thường xuyên theo dõi tình hình vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh, kịp thời tham mưu cho UBND cùng cấp xem xét, xử lý những vấn đề có liên quan đến công tác dân tộc trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan hướng dẫn việc thực hiện các chương trình, chính sách của Nhà nước đối với đồng bào DTTS do cơ quan làm công tác dân tộc các cấp chủ trì, quản lý, chỉ đạo thực hiện.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để xây dựng kế hoạch và theo dõi, giám sát việc thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

3. Một số giải pháp chủ yếu

- Tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo của Trung ương, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, các chính sách dân tộc và các chính sách của tỉnh đã ban hành trong thời gian qua trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện các Chương trình, chính sách dân tộc. Các sở, ngành cần tăng cường công tác hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tiến độ triển khai thực hiện các Chương trình chính sách dân tộc; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tại cơ sở.

- Thực hiện tốt cơ chế lồng ghép thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã ĐBKK. Bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các Chương trình chính sách dân tộc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức và cộng đồng, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo trong việc thực hiện các nhiệm vụ giảm nghèo. Tuyên truyền để hộ nghèo nỗ lực, phấn đấu vươn lên thoát nghèo, xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách cấp không của Nhà nước.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2020 và nhiệm vụ giải pháp chủ yếu năm 2021, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Ủy ban Dân tộc tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (b/cáo);
- Vụ Địa phương II (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Lưu: VT, KT...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Phiên

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐP/135.CSHT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	HẠNG MỤC	Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Số công trình hoàn thành	Ghi chú	
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTU' (CT 135)	NSDP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lòg ghép, vốn khác			Vốn giải ngân (triệu đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	$8=9+10$ $+11+12$	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>
1	Công trình giao thông	61	23	11								35.121,01	23	
2	Công trình thủy lợi	16	3	02								6.932,00	3	
3	Công trình điện													
4	Công trình văn hóa	5	4	03								1.270,00	4	
5	Công trình y tế													
6	Công trình giáo dục		2									395,450	2	
7	Nước sinh hoạt	4	3	07								2.535,460	3	
8	Công trình khác	1		01										
Cộng		87	35	24			62.878	62.878				46.253,920	35	

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 006/ĐP/2085

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT VÀ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN, ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện	Tổng số hộ hưởng các nội dung chính sách	Tổng vốn thực hiện hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện cho vay	Đất ở			Đất sản xuất							Nước sinh hoạt		Bổ trợ ổn định dân cư				Vay vốn hộ đặc biệt khó khăn		Ghi chú	
					Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn NS ĐP	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất				Hỗ trợ chuyển đổi nghề			Số hộ	Vốn hộ trợ	Số hộ	Kết quả thực hiện		Tổng vốn đã thanh toán	Số hộ	Số tiền		
								Vốn hộ trợ	Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn vay	Vốn hộ trợ	Số hộ	Vốn vay				Số hộ	Vốn SN					
1	2	3=6+9+13+16+18+22	4=11+14+17+21	5=12+15+23	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=19+20	22	23	24	
1	Ba Tơ	351	526,5												351	526,5								
2	Sơn Hà	333	499,5												333	499,5								
3	Trà Bồng	601	901,5												601	901,5								
4	Sơn Tây	182	11.205,0												124	186,0	58	11.029,0						
5	Minh Long	81	121,5												81	121,5								
Tổng cộng		1.548	13.264,0												1.490	2.235,0	58	11.029,0						

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 007/ĐP/12

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2018/QĐ-TTg**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh
Quảng Ngãi)*

Số TT	Nội dung thực hiện	Kế hoạch			Kết quả thực hiện			Ghi chú
		Số cuộc (lớp, kỳ,)	Số NCUT tham dự	Kinh phí	Số cuộc	Số NCUT tham dự	Kinh phí (tr đồng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Cung cấp thông tin cho NCUT							
1	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin cho NCUT:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):							
b)	Do cấp huyện tổ chức	13	430	383,4	1	87	52,2	
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho NCUT:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):							
b)	Do cấp huyện tổ chức	13	430	383,4				
3	Tổ chức cho NCUT đi tham quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm trong, ngoài tỉnh:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):							
*	Tổ chức trong tỉnh:							
*	Tổ chức ngoài tỉnh (Hà Nội và ĐP khác)	1	42	448,800				
b)	Do cấp huyện tổ chức:							
*	Tổ chức trong huyện:							
*	Tổ chức ở các huyện khác trong tỉnh	5	306	420,3				
c)	Đón tiếp các Đoàn NCUT							
*	Cấp tỉnh tiếp các Đoàn NCUT các tỉnh	9	360	121,5				
*	Cấp tỉnh tiếp các Đoàn NCUT các huyện của tỉnh	8	306	108,0				
*	Cấp huyện tiếp các Đoàn NCUT các huyện khác của tỉnh	9	510	303				
4	Cấp báo, tạp chí cho NCUT:							
a)	Báo Dân tộc và Phát triển	31.212 tờ	306	144,6	12.546 tờ	306	60,6	
b)	Báo Quảng Ngãi	80.172 tờ	306	232,1	32.742 tờ	306	108,2	
5	Cấp radio cho NCUT thay thế năm 2019		45	19,8		45	19,8	
II	Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần							
1	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:							
b)	Do cấp huyện tổ chức		369	184,5		369	184,5	
2	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết của các DTTS (ghi cụ thể DTTS được thăm hỏi):							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:							
b)	Do cấp huyện tổ chức		42	21,0		42	21,0	
3	Thăm hỏi, động viên NCUT ốm đau:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:	30	30	45,0	18	18	27,0	
b)	Do cấp huyện tổ chức	30	30	24,0	18	18	14,4	

4	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:	22	22	22,0				
b)	Do cấp huyện tổ chức:	22	22	11,0				
5	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:	23	23	23,0	3	3	3,0	
b)	Do cấp huyện tổ chức:	23	23	11,5	3	3	1,5	
6	Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác	0						
III	Khen thưởng NCUT							
1	Do cấp Trung ương khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
2	Do cấp tỉnh khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
3	Do cấp huyện khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
	Tổng cộng			3.602	2.906,9		1.197	1.504,258

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 014/ĐP.BN/CSĐT
Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc
do bộ/tỉnh quản lý chỉ đạo trong năm 2019

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Tên Chương trình, đề án, dự án, chính sách	Vốn nhu cầu kế hoạch	Vốn được giao	Vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân/ vốn giao	Một số kết quả chủ yếu
A	Các chương trình, đề án, dự án, chính sách do bộ ngành quản lý, chỉ đạo					
	- Ngân sách tỉnh		21.505	847	3,9	
	- Ngân sách Trung ương		104.833	31.231	29,8	
I	Chương trình 30a – Dự án 1	390.932	372.767,83	242.332,08	65,01	
1	Tiểu dự án 1	314.345	314.344,8	206.307,9	65,63	
2	Tiểu dự án 3	69.708	53.546	34.805	65,00	
3	Tiểu Dự án 4	6.879	4.877	1.219,25	25,00	
II	Chương trình 135					
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKK		62.878	46.253,923	73,56	
-	Đầu tư phát triển		58.553	44.128,923	75,37	
-	Sự nghiệp		4.325	2.125	49%	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKK		16.479	1.793	13,6%	
3	Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an		3.028	1.402	46,3%	

	toàn khu; và các thôn, bản ĐBK					
II	Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 498/QĐ-TTg		370	368,03	99,64	
IV	Đề án đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2021 theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg		270	228,954	84,8 %	
V	Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg		180	161,412	89,67%	
VI	Chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg		2.906,9	1.504,258	85,03	
VII	Chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg		13.264,0	809	61%	
	- <i>Vốn đầu tư phát triển</i>		11.029			
	- <i>Vốn sự nghiệp</i>		2.235			
B	Các chương trình, đề án, dự án, chính sách của tỉnh					
I	Kế hoạch thực hiện Chương trình 1693/QĐ-UBND tỉnh ngày 19/9/2016 về Chương trình giáo dục gia đình đến năm 2020		116	115,5	99,57	
II	Cấp không thu tiền các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi nhân dịp Tết Nguyên đán	9.360,18	9.360,18	9.358,59	99,98	
III	Về công tác tuyên truyền luật Giao thông đường bộ theo Chương trình phối hợp số 126/CTPH-BDT- BATGT ngày 22/7/2015 giữa Ban Dân tộc và Ban An toàn giao thông tỉnh Quảng Ngãi	50	50	43,125	86,25	

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 013/ĐP/1557
KẾT QUẢ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1557/QĐ-TTg
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch được duyệt tại QĐ số 2638/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Kết quả đạt được đến 2020	Kết quả so với kế hoạch (%)	Ghi chú
1	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	<14,3‰	5,09‰	280,94	
2	Tuổi thọ trung bình	73 tuổi			
3	Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi (%)	<31,7%	27,90%	113,62	
4	Tỷ lệ trẻ em người dân tộc thiểu số trong độ tuổi nhà trẻ và trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non	Độ tuổi nhà trẻ là 25% và trong độ tuổi mẫu giáo là 100%	Độ tuổi mẫu giáo là 100%	Độ tuổi mẫu giáo là 100%	
5	Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc tiểu học	99%	98%	99%	
6	Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc trung học cơ sở	95%	95%	100%	
7	Tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số đi học đúng tuổi bậc trung học phổ thông	80%	80%	100%	
8	Tỷ lệ sinh viên DTTS học cao đẳng	1,50%	0,70%	46,60%	
9	Tỷ lệ sinh viên DTTS học đại học	1,50%	0,90%	60%	
10	Tỷ lệ DTTS được đào tạo sau đại học	0,40%	0,02%	5%	
11	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp	50%	50%	100%	
12	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong độ tuổi lao động được cung cấp thông tin thị trường	50%	50%	100%	